

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày: 21 - 9 - 2020
V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành P.

2. Bà Dương Triết M.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* bà Phan Thị D - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-DS ngày 16/6/2020 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXX-DS ngày 18/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2020/QĐST-DS ngày 03/9/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Địa chỉ: 266 - 268, N, phường N, quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức T. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn N, chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch T - Chi nhánh A (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2020) (có mặt).

Địa chỉ liên hệ: ấp B, thị trấn N, huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: ông Trương Trí T , sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 14/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (do ông Lê Văn N, đại diện) trình bày: ngày 28/02/2018, ông Trương Trí T có đến Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 25.000.000 đồng, mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.700.903 đồng. Từ khi kích hoạt thẻ cho đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 25.126.000 đồng thì ngưng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 31/7/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Do ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi đến ngày 21/9/2020 là 31.395.721 đồng (trong đó vốn là 22.671.713 đồng; lãi là 8.724.008 đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng kể từ ngày 22/9/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Bị đơn ông Trương Trí T vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn ông Trương Trí T triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do là tự từ bỏ quyền của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trương Trí T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền vốn, lãi tính đến ngày 21/9/2020 là 31.395.721 đồng (vốn là 22.671.713 đồng; lãi là 8.724.008 đồng).

Về lãi suất: các bên đã thỏa thuận lãi trong hợp đồng nên cần tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày 22/9/2020 đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: tranh chấp giữa Ngân hàng với ông Trương Trí T là tranh chấp dân sự về Hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông Trương Trí T đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trương Trí T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông T đều vắng mặt, không lý do. Qua xác minh, hiện tại ông T đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã T, huyện T nhưng không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[4] Về nội dung: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện ông Trương Trí T để yêu cầu trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 21/9/2020 là 31.395.721 đồng (vốn là 22.671.713 đồng; lãi là 8.724.008 đồng) và lãi suất phát sinh theo quy định tại hợp đồng kể từ ngày 22/9/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng lập ngày 28/02/2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T - Chi nhánh A - Phòng Giao dịch T với ông Trương Trí T.

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/02/2018 giữa Ngân hàng với ông Trương Trí T được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[4.2] Về phía bị đơn, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu các khoản nợ nhưng ông T đều vắng mặt, không lý do chính đáng và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số nợ trên. Do đó, căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/02/2018, buộc ông Trương Trí T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền vốn và lãi là 31.395.721 đồng (vốn là 22.671.713 đồng; lãi tính đến ngày 21/9/2020 là 8.724.008 đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi thanh toán dứt nợ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định tại 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trương Trí T bị buộc trả số tiền nêu trên, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng Thương mại Cổ phần T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[6] Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T .

1.1. Buộc ông Trương Trí T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần T - Chi nhánh A - Phòng Giao dịch T đại diện nhận) số tiền vốn, lãi tính đến ngày 21/9/2020 là 31.395.721 đồng (vốn là 22.671.713 đồng; lãi là 8.724.008 đồng).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trương Trí T phải chịu 1.569.786 đồng (một triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm tám mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần T không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 656.685 đồng (sáu trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009762, ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần T - Chi nhánh A - Phòng Giao dịch T , đại diện nhận).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn Hân E